TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 684/2026/QĐST-DS	*Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNGNHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 05 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 1211/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1; Trụ sở: 266-268 N, 8, 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản hàng S2 (Công ty S3); Địa chỉ nhận thông báo: 278 N, Võ Thị S, 3, Thành phố Hồ Chí Minh Giấy ủy quyền số PC ngày 10/12/2024)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn Chức V Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T1 nhân viên xử lý nợ.

* Bị đơn: ông Phan Xuân N, sinh năm 1984; CCCD: 062084000001; HKTT: 21 ngách D T, phường T, Hà Nội; Cư trú: 165 Phố P, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1**.** Ngân hàng TMCP S1 và ông Phan Xuân N cùng xác nhận:

Tính đến ngày 21/05/2025, ông P còn nợ Ngân hàng TMCP S1 theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm

hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), số thẻ 436438-1912, số tiền cụ thể:

- Gốc: 115.159.092 đồng
- Lãi quá hạn: 290.892.055 đồng

Tổng dư nợ: 406.051.147 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm linh sáu triệu, không trăm năm mươi mốt nghìn, một trăm bốn mươi bảy đồng).

2.2. Ông Phan Xuân N và Ngân hàng TMCP S1 thống nhất thỏa thuận thanh toán theo lộ trình:

- Lần 1: Chậm nhất là ngày 15/06/2026 ông Phan Xuân N sẽ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền nợ gốc: 500.000 đồng.
- Lần 2: Chậm nhất là ngày 15/07/2026 ông Phan Xuân N sẽ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền nợ gốc: 500.000 đồng.
- Lần 3: Chậm nhất là ngày 15/08/2026 ông Phan Xuân N sẽ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền nợ gốc: 500.000 đồng.
- Lần 4: Chậm nhất là ngày 15/09/2026 ông Phan Xuân N sẽ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền nợ gốc: 500.000 đồng.
- Lần 5: Chậm nhất là ngày 15/10/2026 ông Phan Xuân N sẽ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền nợ gốc: 500.000 đồng.
- Lần 6: Chậm nhất là ngày 15/11/2026 ông Phan Xuân N sẽ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền nợ còn lại: 403.551.147 đồng trong đó số tiền nợ gốc: 112.659.092 đồng và nợ lãi: 290.892.055 đồng) cùng toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/05/2026 trên số tiền nợ gốc còn chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp ông Phan Xuân N vi phạm bất kỳ lần thanh toán nào đã thỏa thuận trên thì Ngân hàng TMCP S1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thu hồi toàn bộ khoản nợ còn lại của ông Phan Xuân N đối với Ngân hàng TMCP S1.

2.3. Án phí: Ngân hàng TMCP S1 và ông Phan Xuân N thỏa thuận ông N chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 10.121.023 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền 1.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015419 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, ông Phan Xuân N và Ngân hàng TMCP S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3-Hà Nội;
-THA Khu vực 3-Hà Nội;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Hồng Hạnh